

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 107/2019/DS-ST.

Ngày: 23-7-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Hồng Thái.

Bà Phạm Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H.

Anh Phạm Thanh B.

Địa chỉ: số 05, ấp Thạnh Xuân, xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim P.

Ông Bùi Văn K (tên gọi khác: Bùi Văn Rồi).

Địa chỉ: số 45, ấp Thạnh Xuân, xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Bà H, ông B có mặt; bà P, ông K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2019 bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Thanh B trình bày: Ngày 25/12/2013 có cho bà Trần Thị Kim P và ông Bùi Văn K (tên gọi khác Bùi Văn Rồi) vay số tiền 13.000.000 đồng và 15,5 chỉ vàng 9999, đến ngày 01/6/2015 thế chấp làm tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay thêm 22.000.000 đồng. Tất cả các lần vay trên đều làm biên nhận và có xác nhận của chính quyền địa P. Từ khi vay đến nay bà P, ông K không trả tiền vốn lãi. Yêu cầu bà Trần Thị Kim P và ông Bùi Văn K trả tiền vay là 35.000.000 đồng, tiền lãi là 14.000.000 đồng và 15,5 chỉ vàng 9999.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn kèm theo đơn khởi kiện: chứng minh nhân dân (bản sao), biên nhận ngày 25/12/2013 và ngày 01/6/2015 (pho to), sổ hộ khẩu (photo).

Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn bà P, ông K được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ theo quy định pháp luật, nhưng chưa thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Thanh B yêu cầu bà P, ông K trả tiền vay 13.000.000 đồng và số vàng 15,5 chỉ vàng 9999. Rút yêu cầu bà P ông K trả tiền vay 22.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/6/2015 và tiền lãi; Bị đơn bà Trần Thị Kim P, ông Bùi Văn K vắng mặt, chưa thể hiện ý kiến.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thống nhất quá trình thu thập chứng cứ của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật.

Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Thanh B khởi kiện bà Trần Thị Kim P, ông Bùi Văn K yêu cầu trả tiền vay, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, đây là vụ án dân sự, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn bà Trần Thị Kim P, ông Bùi Văn K tại ấp Thạnh Xuân, xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật về thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Trần Thị Kim P, ông Bùi Văn K dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Thanh B yêu cầu bà Trần Thị Kim P, ông Bùi Văn K trả tiền vốn vay là 35.000.000 đồng, lãi 14.000.000 đồng và số vàng 15,5 chỉ loại 9999, nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ ngày 25/12/2013 (bản chính) và biên nhận nợ ngày 01/6/2015 (bản photo).

[2.1]. Biên nhận nợ ngày 25/12/2013 ghi “Tôi tên Trần Thị Kim P ngụ tại ấp Thạnh Xuân, xã Hòa Tiến vợ chồng tôi có hỏi của cháu H một số vàng và tiền. 01 cây rươi 05 phân và tiền là 13.000.000 đồng” có Trần Thị Kim P và Bùi Văn Rồi cùng ký tên

Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”. Ở đây bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Thanh B đã chứng minh bà Trần Thị Kim P, ông Bùi Văn K có nợ tiền vay bằng biên nhận nợ ngày 25/12/2013. Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày xét xử đã tổng đạt các văn bản cho bà P, ông K theo quy định pháp luật, nhưng các bị đơn không thể hiện ý kiến hoặc cung cấp tài liệu chứng cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Nên xác định bà P, ông K có nợ của bà H, ông B theo biên nhận trên là sự thật, nên bà P, ông K phải có trách nhiệm trả tiền vay theo biên nhận ngày 25/12/2013.

Đối với số vàng 15,5 chỉ, theo thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 24/4/2011 của Ngân hàng nhà nước quy định về chấm dứt huy động và cho vay

vốn bằng vàng. Do vậy, nên bà P, ông K có trách nhiệm trả lại bà H, ông B số vàng đã nhận là 15,5 loại 9999 và số vàng này phải quy đổi thành tiền. Cụ thể: giá vàng 9999 tại thời điểm ngày 23/7/2019 là 3.970.000 chỉ, nên giá trị của 15,5 chỉ vàng 9999 là 61.535.0000 đồng.

[2.2]. Đối với biên nhận ngày 01/6/2015, tại Tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với biên nhận này, việc rút yêu cầu này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Tại tòa nguyên đơn rút yêu cầu bị đơn trả tiền lãi. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

Từ những nhận định như đã nêu trên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 298, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: buộc đương sự nộp theo Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5]. Về phát biểu đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa. Xét, phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, Tòa chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: các Điều 298, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Đình chỉ yêu cầu bà Trần Thị Kim P, ông Bùi Văn K trả tiền vay theo biên nhận ngày 01/6/2015 và tiền lãi của bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Thanh B.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Thanh B.

1. Buộc bà Trần Thị Kim P, ông Bùi Văn K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Thanh B số tiền 74.535.000 đồng (bảy mươi bốn triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trần Thị Kim P, ông Bùi Văn K liên đới chịu 3.726.700 đồng (ba triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh.

- Bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Thanh B được nhận lại 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 16/4/2019 theo biên lai số 0020278 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Tuyết Mai